

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI
CAO-VIỆN KIỂM SÁT
NHÂN DÂN TỐI CAO-BỘ
CÔNG AN-BỘ TƯ PHÁP-
BỘ QUỐC PHÒNG
Số: 01/2003/TTLT-
TANDTC-VKSNDTC-
BCA-BTP-BQP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2003

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn áp dụng một số quy định

tại Chương XXIII "Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân" của Bộ luật Hình sự năm 1999

Để áp dụng đúng và thống nhất các quy định tại chương XXIII "Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân" của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sau đây viết tắt là Bộ luật Hình sự), Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp và Bộ Quốc phòng thống nhất hướng dẫn một số điểm như sau:

I. VỀ CHỦ THỂ CỦA CÁC TỘI XÂM PHẠM NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA QUÂN NHÂN QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 315 BỘ LUẬT HÌNH SỰ

1. Quân nhân tại ngũ là công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phục vụ trực tiếp trong Quân đội. Quân nhân bao gồm sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ và quân nhân chuyên nghiệp được quy định trong Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Quân nhân dự bị là công dân được đăng ký vào ngạch dự bị động viên theo Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên. Quân nhân dự bị chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân trong thời gian người đó được tập trung huấn luyện.

Được coi là quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện trong các trường hợp sau đây:

- Tập trung huấn luyện chính trị, quân sự thường kỳ hàng năm;
- Tập trung diễn tập;
- Tập trung kiểm tra tình trạng sẵn sàng động viên;
- Tập trung kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu.

3. Công dân được trưng tập vào phục vụ trong Quân đội bao gồm:

a) Công nhân Quốc phòng (do hợp đồng lao động hoặc được tuyển dụng vào phục vụ trong Quân đội) và Công chức Quốc phòng. Những người này chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân trong thời gian họ tham gia chiến đấu hoặc trực tiếp phục vụ chiến đấu;

b) Công dân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định vào phục vụ Quân đội khi:

- Có lệnh tổng động viên, động viên cục bộ;
- Có chiến tranh;
- Có nhu cầu chiến đấu để bảo vệ địa phương, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ mà chưa đến mức phải động viên cục bộ.

Những người trên đây chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân trong thời gian được trưng tập đó.

4. Dân quân, tự vệ phối thuộc với Quân đội trong chiến đấu hoặc phục vụ chiến đấu là người thuộc một bộ phận dân quân, tự vệ được giao cho đơn vị quân đội khi có nhu cầu chiến đấu hoặc phục vụ chiến đấu để tăng khả năng hoàn thành nhiệm vụ tác chiến của đơn vị quân đội. Dân quân, tự vệ phối thuộc với Quân đội trong chiến đấu hoặc phục vụ chiến đấu chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân trong thời gian phối thuộc được quy định trong quyết định của cấp có thẩm quyền.

II. VỀ MỘT SỐ KHÁI NIỆM, TÌNH TIẾT LÀ YẾU TỐ ĐỊNH TỘI HOẶC ĐỊNH KHUNG HÌNH PHẠT

1. Về các tình tiết "sĩ quan", "chỉ huy" quy định tại điểm a khoản 2 các Điều 316, 322, 323, 324, 325, 326, 337 và 338 Bộ luật Hình sự.

a) "Sĩ quan" là cán bộ quân đội được Nhà nước phong quân hàm cấp úy, cấp tá, cấp tướng và tương đương. Sĩ quan bao gồm sĩ quan tại ngũ và sĩ quan dự bị.

b) "Chỉ huy" là cán bộ quân đội có chức vụ từ trung đội trưởng và tương đương trở lên. Chức vụ tương đương được cơ quan có thẩm quyền quy định.

2. Về các khái niệm "người chỉ huy", "cấp trên" quy định tại khoản 1 các Điều 316 và 319 Bộ luật Hình sự và khái niệm "cấp dưới" quy định tại khoản 1 Điều 320 Bộ luật Hình sự.

a) "Người chỉ huy" là cán bộ quân đội được giao phụ trách cơ quan, đơn vị thuộc quyền, có những nhiệm vụ, quyền hạn trong phạm vi thuộc cơ quan, đơn vị đó.

b) Để xác định là "cấp trên" theo quy định tại khoản 1 các Điều 316 và 319 Bộ luật Hình sự và "cấp dưới" theo quy định tại khoản 1 Điều 320 BLHS thì giữa người phạm tội và người ra lệnh (hoặc người bị hại) phải có quan hệ công tác và được xác định như sau:

b1) Nếu người phạm tội và người ra lệnh (hoặc người bị hại) cùng biên chế trong một cơ quan, đơn vị nhất định, thì:

- Người có chức vụ cao hơn là cấp trên, người có chức vụ thấp hơn là cấp dưới, mà không phân biệt cấp bậc;
- Người có cấp bậc cao hơn là cấp trên, nếu những người đó có cùng chức vụ.

b2) Nếu người phạm tội và người ra lệnh (hoặc người bị hại) không cùng biên chế trong một cơ quan, đơn vị nhất định, thì:

- Người có cấp bậc cao hơn là cấp trên, mà không phân biệt chức vụ trong Quân đội;
- Người có chức vụ trong Quân đội cao hơn là cấp trên, nếu những người đó có cùng cấp bậc.

b3) Nếu người phạm tội và người ra lệnh (hoặc người bị hại) không cùng biên chế trong một cơ quan, đơn vị nhất định, nhưng cùng thực hiện một nhiệm vụ trong một thời gian nhất định, thì:

- Người được giao phụ trách là cấp trên mà không phân biệt cấp bậc, chức vụ;
- Người có cấp bậc cao hơn là cấp trên mà không phân biệt chức vụ, nếu không có ai được giao phụ trách;
- Người có chức vụ trong Quân đội cao hơn là cấp trên, nếu những người đó có cùng cấp bậc và không có ai được giao phụ trách.

3. Về khái niệm "đồng đội" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Các quân nhân không phân biệt cấp bậc, chức vụ, cùng biên chế hay không cùng biên chế trong cùng một đơn vị đều được coi là "đồng đội" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, nếu việc phạm tội làm nhục, hành hung nhau không liên quan đến quan hệ công tác.

4. Về khái niệm "mệnh lệnh" quy định tại khoản 1 các Điều 316 và 317 Bộ luật Hình sự.

"Mệnh lệnh" là mệnh lệnh của người chỉ huy trực tiếp hoặc cấp trên có thẩm quyền bắt buộc cấp dưới phải chấp hành. Mệnh lệnh có thể bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng tín hiệu lệnh.

Mệnh lệnh của người chỉ huy trực tiếp hoặc cấp trên có thẩm quyền phải đúng pháp luật. Trường hợp người ra mệnh lệnh trái pháp luật thì cần phân biệt như sau:

a) Nếu người chấp hành mệnh lệnh không biết mệnh lệnh đó là trái pháp luật, thì người ra mệnh lệnh đó phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện mệnh lệnh đó;

b) Nếu người chấp hành mệnh lệnh biết rõ mệnh lệnh đó là trái pháp luật, thì:

- Nếu người đó vẫn chấp hành mà không có ý kiến phát hiện, đề đạt gì, thì cả người ra mệnh lệnh và người chấp hành mệnh lệnh phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện mệnh lệnh đó;
- Nếu người đó đã phát hiện, đề đạt với người ra mệnh lệnh nhưng người ra mệnh lệnh vẫn yêu cầu bắt buộc phải chấp hành thì chỉ người ra mệnh lệnh phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện mệnh lệnh trái pháp luật đó.

5. Về các tình tiết "phạm tội trong chiến đấu", "phạm tội trong khu vực có chiến sự", "phạm tội trong thời chiến" quy định tại các điều luật tương ứng: khoản 3 Điều 316, khoản 2 Điều 317, khoản 3 Điều 318, khoản 1 Điều 325, điểm c khoản 2 Điều 326, khoản 2 Điều 330, khoản 2 Điều 331, khoản 1 Điều 332, khoản 2 Điều 333, khoản 2 Điều 334, khoản 1 Điều 337 và điểm c khoản 2 Điều 338 Bộ luật Hình sự.

a) "Phạm tội trong chiến đấu" là phạm tội trong thời gian người phạm tội đang trực tiếp chiến đấu hoặc trực tiếp phục vụ chiến đấu.

b) "Phạm tội trong khu vực có chiến sự" là phạm tội trong khu vực đang có các hoạt động tác chiến quân sự giữa ta và địch.

c) "Phạm tội trong thời chiến" là phạm tội trong khoảng thời gian đang có chiến tranh ở nước ta. Tình trạng chiến tranh do Chủ tịch nước công bố theo quyết định của Quốc hội hay Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

6. Về các tình tiết "gây hậu quả nghiêm trọng", "gây hậu quả rất nghiêm trọng", "gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng" quy định tại các điều từ Điều 326 đến Điều 339 Bộ luật Hình sự.

Khi áp dụng các tình tiết này cần chú ý:

a) Hậu quả phải do hành vi phạm tội gây ra, tức là phải có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội và hậu quả xảy ra. Hậu quả đó có thể là hậu quả vật chất (như thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, về tài sản, về vũ khí, phương tiện kỹ thuật quân sự...) hoặc phi vật chất như gây ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về an ninh quốc phòng; ảnh hưởng đến khả năng và tình trạng sẵn sàng chiến đấu của Quân đội; ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị; ảnh hưởng đến quan hệ đoàn kết trong nội bộ Quân đội; mối quan hệ quân dân v.v...

b) Để xác định thế nào là phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, gây hậu quả rất nghiêm trọng, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng phải xem xét đánh giá một cách tổng hợp, toàn diện các loại hậu quả do hành vi phạm tội gây ra gồm thiệt hại về tài sản, thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, thiệt hại về vũ khí, trang bị và thiệt hại phi vật chất.

c) Việc xác định thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, về tài sản được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIV "Các tội xâm phạm sở hữu" của Bộ luật Hình sự năm 1999.

d) Việc xác định thiệt hại về vũ khí, phương tiện kỹ thuật quân sự như sau:

d1) Gây thiệt hại về vũ khí, phương tiện kỹ thuật quân sự thuộc một trong các trường hợp sau được coi là gây hậu quả nghiêm trọng:

- Từ 3 đến 10 khẩu súng ngắn, súng trường, súng tiểu liên;
- Từ 1 đến 5 khẩu súng bộ binh khác như trung liên, đại liên, súng máy cao xạ 12,7 ly đến 25 ly, súng B40, B41;
- Từ 5 đến 15 quả mìn, lựu đạn;
- Từ 3 đến 10 quả đạn cối, đạn pháo;
- Từ 300 đến 1.000 viên đạn bộ binh cỡ 11,43 ly trở xuống;
- Từ 200 đến 600 viên đạn súng máy cao xạ cỡ 12,7 ly đến 25 ly;
- Từ 10 đến 30 kg thuốc nổ các loại;
- Từ 1.000 đến 3.000 nựu xuy hoặc ống nổ;
- Từ 3.000 đến 10.000 m dây cháy chậm, dây nổ v.v...

d2) Gây thiệt hại về vũ khí, phương tiện kỹ thuật quân sự thuộc một trong các trường hợp sau được coi là gây hậu quả rất nghiêm trọng:

- Từ 11 đến 30 khẩu súng ngắn, súng trường, súng tiểu liên;
- Từ 6 đến 20 khẩu súng bộ binh khác như trung liên, đại liên, súng máy cao xạ 12,7 ly đến 25 ly, súng B40, B41;
- Từ 16 đến 45 quả mìn, lựu đạn;
- Từ 11 đến 30 quả đạn cối, đạn pháo;
- Từ 1.001 đến 3000 viên đạn bộ binh cỡ 11,43 ly trở xuống;
- Từ 601 đến 2.000 viên đạn súng máy cao xạ cỡ 12,7 ly đến 25 ly;
- Từ trên 31 kg đến 100 kg thuốc nổ các loại;
- Từ 3.001 đến 10.000 xuy nổ hoặc ống nổ;
- Từ 10.000 đến 30.000 m dây cháy chậm, dây nổ v.v...

d3) Gây thiệt hại về vũ khí, phương tiện kỹ thuật quân sự với số lượng trên mức tối đa được hướng dẫn tại điểm d.2 mục 6 này là gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

d4) Trường hợp gây thiệt hại các loại vũ khí, phương tiện kỹ thuật quân sự khác nhau mà mỗi loại chưa đến mức được hướng dẫn tại điểm d.1 mục 6 này thì được coi là gây hậu quả nghiêm trọng nếu tổng thiệt hại tương ứng với mức được hướng dẫn tại điểm d.1 mục 6 này. Ví dụ: phạm tội gây thiệt hại 2 khẩu súng trường (66% mức hướng dẫn tối thiểu), 3 kg thuốc nổ (30% mức hướng dẫn tối thiểu) và 300 nựu xuy (30% mức hướng dẫn tối thiểu) được coi là phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng (tổng cộng thiệt hại các loại là 126%, trên mức tối thiểu được hướng dẫn).

Sử dụng cách tính tương tự như vậy để xác định hậu quả rất nghiêm trọng hoặc hậu quả đặc biệt nghiêm trọng đối với trường hợp gây thiệt hại các loại vũ khí, phương tiện kỹ thuật quân sự khác nhau mà mỗi loại chưa đến mức được hướng dẫn tại các điểm d.2 hoặc d.3 mục 6 này.

đ) Đối với thiệt hại phi vật chất thì tùy vào từng trường hợp phạm tội cụ thể để xác định hậu quả do tội phạm gây ra là nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hay đặc biệt nghiêm trọng. Khi đánh giá cần chú ý đến các hậu quả như ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về an ninh quốc phòng; khả năng, sức mạnh và tình trạng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị; việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị; uy tín, danh dự của Quân đội; mối quan hệ đoàn kết trong nội bộ Quân đội; mối quan hệ quân dân v.v...

7. Khi áp dụng Điều 322, Điều 324 và Điều 325 Bộ luật Hình sự cần chú ý: